



3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có Đơn xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Huỳnh C, sinh năm 1941; địa chỉ: C Sabetha Way P, Hoa Kỳ.

3.3. Ông Huỳnh H, sinh năm 1950; địa chỉ: 9906 SW 30<sup>th</sup> A, O, Hoa Kỳ, có mặt tại phiên toà.

3.4. Ông Huỳnh Â, sinh năm 1959; địa chỉ: 9906 SW 30<sup>th</sup> A, O, Hoa Kỳ, vắng mặt.

3.5. Ông Huỳnh T4, sinh năm 1961; địa chỉ: C Rocky Meadow C, VA22033, Hoa Kỳ, có mặt tại phiên toà.

3.6. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1948; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Anh T5, sinh năm 1987; địa chỉ: C Rocky Meadow CT F 22033.

3.7. Ông Huỳnh Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: I SW 30th A, O, Hoa Kỳ.

3.8. Ông Huỳnh Văn Đ1, sinh năm 1965; Địa chỉ: H Sweet Cherry Land L, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, ông H, ông T4, bà H1, ông Đ, ông Đ1: ông Lê Hồng D, sinh năm 1976 và ông Bùi Trọng T2, sinh năm 1994; địa chỉ: B N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên, (ông D có mặt, ông T2 có Đơn xét xử vắng mặt).

3.9. Ông Huỳnh Quốc H2, sinh năm 1978; ĐKTT: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Minh T1, sinh năm 1975; địa chỉ: số B N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên toà.

Người kháng cáo: ông Huỳnh T, ông Huỳnh C, ông Huỳnh H, ông Huỳnh Â, ông Huỳnh T4, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Quốc H2.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo Đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Cha mẹ ông Huỳnh T là cụ Huỳnh L1 (chết 1994) và cụ Lê Thị Kim K (chết 2017) sinh được 08 người con gồm: bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh H, ông Huỳnh T, ông Huỳnh Â, ông Huỳnh T4, ông Huỳnh Văn Đ1, ông Huỳnh Đ. Ngoài ra, cụ Huỳnh L1 có 01 con riêng tên là Huỳnh C. Trước khi chết, hai cụ L1, K tạo lập được tài sản là diện tích đất khoảng 1.000m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên có giới cận: Đông giáp đất Võ Tấn T6, T6 giáp nhà ông Đoàn Văn P, Nam giáp đường xã lộ 21, Bắc giáp đất ông Đào Đức N.

Năm 1976, cụ L1, K xây dựng 01 ngôi nhà 01 tầng, lợp ngói, tường xi măng có diện tích 70m<sup>2</sup> nằm trên hướng Tây của thửa đất. Khoảng năm 1990

các anh chị em trong gia đình, người xuất cảnh sang Mỹ, người lập gia đình riêng, không ai chăm sóc cha mẹ. Năm 1994 cha Huỳnh L1 chết không để lại di chúc. Năm 1998, vợ chồng ông T (vợ là Trần Thị N1 hiện định cư ở Mỹ) về xây dựng 01 căn nhà lầu 01 tầng, lợp ngói, tường xi măng nằm ở phía sau và ngăn cách với nhà của cha mẹ bằng 01 hành lang rộng khoảng 3m, dài 13m để tiện chăm sóc cho mẹ. Ngày 29 tháng 7 năm 2013, mẹ Lê Thị Kim K lập di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân (UBND) xã H để lại toàn bộ tài sản nhà đất cho ông T thừa hưởng.

Khoảng tháng 3 năm 2019, khi con trai ông Huỳnh T là Huỳnh Quốc H2 tu sửa lại chuồng heo đã cũ của cha mẹ để mở tiệm kinh doanh Internet thì bị ông Huỳnh C, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn Đ1 ngăn cản và gửi Đơn đề nghị UBND xã H hòa giải nhưng không thành.

Ông T khởi kiện yêu cầu được nhận di sản thừa kế là nhà và đất tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên có nguồn gốc của cha Huỳnh L1, mẹ Lê Thị Kim K thừa kế theo di chúc lập ngày 29 tháng 7 năm 2013. Di chúc này do mẹ K lập đúng ý chí của mẹ, được UBND xã H đóng dấu chứng thực, thời điểm lập di chúc mẹ hoàn toàn minh mẫn; đồng thời, không chấp nhận các tài liệu, chứng cứ của bên bị đơn cho rằng mẹ bị bệnh. Trường hợp Tòa án xem xét về hiệu lực của di chúc do mẹ lập có phần của cha thì yêu cầu xem xét cha Huỳnh L1 chết từ năm 1994, thời điểm mẹ lập di chúc năm 2013 là đã hết thời hiệu khởi kiện phân di sản của cha, nên di chúc của mẹ có hiệu lực. Đối với căn nhà cũ của cha mẹ, ông đề nghị giữ lại không chia thừa kế và giao cho bà Huỳnh Thị L quản lý, giữ gìn làm nơi thờ cúng cha mẹ ông bà; phần còn lại ông nhận thừa kế theo di chúc của mẹ bằng hiện vật, vì vợ chồng ông Huỳnh T xuất cảnh sang Mỹ theo diện du lịch và thăm thân nhân, thường xuyên về Việt Nam sinh sống, không nhập quốc tịch Mỹ.

2. Nội dung Đơn phản tố của bị đơn, trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Bùi Trọng T2, ông Lê Hồng D; đồng thời, là người đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thể hiện:

Thống nhất về diện, hàng thừa kế của cụ Huỳnh L1 và cụ Lê Thị Kim K như trình bày của nguyên đơn. Di sản cha mẹ để lại gồm 01 ngôi nhà trên 02 thửa đất đều tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên: thửa đất số 260, tờ bản đồ số 12 (số 302D cũ), diện tích 260m<sup>2</sup> (đất ở và BHK) và thửa đất số 1265, tờ bản đồ số 12 (số 302D cũ), diện tích 499,9m<sup>2</sup> (LNK). Từ nhỏ tất cả các anh chị em đều chung sống cùng cha mẹ trong ngôi nhà, đất này. Năm 1996, Nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP cho ông Huỳnh T ở nơi khác, sau đó ông T bán nhà đất được giao về ở với cha mẹ. Năm 1994 cha Huỳnh L1 chết và năm 2017 mẹ Lê Thị Kim K chết.

Tháng 3 năm 2019, ông T cho xây nhà kiên cố trên đất của cha mẹ khi chưa có sự đồng ý của các anh chị em, nên bị đơn yêu cầu UBND xã H giải

quyết. Tại buổi hòa giải do UBND xã H tiến hành ngày 09 tháng 4 năm 2019, ông T đưa ra bản di chúc do mẹ Lê Thị Kim K lập ngày 29 tháng 7 năm 2013 (có xác nhận của UBND xã H). Qua xem xét bản di chúc, bị đơn không chấp nhận vì di chúc lập không đúng quy định, khối tài sản này là tài sản chung của cha mẹ nhưng mẹ tự ý định đoạt luôn phần tài sản của cha. Mặt khác, trong thời gian mẹ sinh sống tại Mỹ khoảng tháng 7 năm 2012, mẹ bị đột quỵ do xuất huyết não, bị bại liệt, mất trí nhớ và nhập viện điều trị. Sau đó, anh chị em đưa mẹ về Việt Nam để an dưỡng tuổi già khi mẹ đã không còn nhận thức và làm chủ hành vi của mình, phải thuê người chăm sóc cho đến khi mẹ chết. Bà Huỳnh Thị L lúc đó cũng đã được anh em bảo lãnh sang định cư tại Mỹ, nhưng vì mẹ bệnh nên đã về Việt Nam ở chăm sóc mẹ. Còn ông Huỳnh T và vợ con được chính ông Huỳnh H làm thủ tục bảo lãnh theo diện định cư F4, ông T đã xuất cảnh sang Mỹ theo diện định cư từ năm 2015, không phải là đi du lịch hay đi thăm thân nhân.

Do đó, bên bị đơn phản tố yêu cầu:

Hủy di chúc do mẹ Lê Thị Kim K lập ngày 29 tháng 7 năm 2013;

Chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại gồm nhà và đất tại thửa số 260, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ cũ 302D), diện tích 260m<sup>2</sup> và thửa 1265, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ cũ 302D), diện tích 499,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cho những người thừa kế theo pháp luật và giao cho Huỳnh Thị L nhận hiện vật phần đất có nhà ở của cha mẹ, giao phần còn lại cho bà Huỳnh Thị H1, còn các anh em khác ở Mỹ nhận giá trị. Giao bà Huỳnh Thị L và Huỳnh Thị H1 được quản lý phần di sản được chia của các anh em bên Mỹ để giữ gìn làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, riêng phần ông Huỳnh T thì thanh toán giá trị cho ông T và ông T, con là Huỳnh Quốc H2 phải tháo dỡ nhà, vật kiến trúc khác trên đất để giao đất cho bà H1 và bà L quản lý.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị H1 trình bày:

Nay các anh chị em đều già yếu, bà L bị bệnh xuất huyết bao tử nằm viện, không chồng con, không có chỗ ở nên yêu cầu Tòa chia di sản của cha mẹ để lại cho rõ ràng. Giao hết cho bà L quản lý để thờ cúng ông bà tổ tiên. Phần ông T được hưởng, do hiện ông T không có ở Việt Nam nên giao cho cháu H2 quản lý để cháu H2 cùng ở và chăm sóc bà L trong quá trình bà L quản lý di sản của cha mẹ. Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị H1 thay đổi ý kiến: thống nhất theo trình bày của bà L và ông H.

3.2. Ông Huỳnh Quốc H2 trình bày:

Đối với phần tài sản của ông Huỳnh Quốc H2 trên đất, ông yêu cầu tòa giải quyết theo nguyện vọng của cha Huỳnh T, các cô chú bác. Bản thân ông là con cháu trong gia đình, tuy đã xây nhà cấp 4 để kinh doanh nhưng không yêu cầu gì về giá trị căn nhà này, nếu phần đất Tòa giao cho cô chú nào có liên

quan đến căn nhà của ông. Tại phiên tòa, ông H2 thay đổi ý kiến: yêu cầu cô chú nào nhận đất có liên quan đến căn nhà của ông thì trả bằng giá trị cho ông.

### 3.3. Ông Huỳnh Văn Đ1 trình bày:

Ông Huỳnh Văn Đ1 cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh mẹ Lê Thị Kim K đã bị bệnh đột quỵ mất trí nhớ, được Bác sĩ gia đình ở Mỹ điều trị, sau đó đưa về Việt Nam năm 2012 trong tình trạng mất trí nhớ, nên di chúc lập ngày 29 tháng 7 năm 2013 là hoàn toàn không hợp pháp. Do đó, yêu cầu hủy di chúc, chia di sản thừa kế của cha mẹ cho tất cả các con và giao hiện vật cho bà L và bà H1 nhận. Phần các anh em khác ở Mỹ nhận bằng giá trị và giao phần giá trị cho chị L quản lý thờ cúng cha mẹ, trừ phần của ông Huỳnh Thượng .

### 3.4. Ủy ban nhân dân xã H trình bày:

Ủy ban nhân dân (UBND) xã H cung cấp thông tin tại Công văn số 55/UBND ngày 13 tháng 02 năm 2023, Công văn số 317/UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023: gia đình bà Lê Thị Kim K được cân đối đất ở và đất nông nghiệp, đã được Nhà nước giao quyền sử dụng đất hợp pháp khi thực hiện Nghị định 64/CP (hiện không còn lưu trữ hồ sơ cân đối nên không xác định được hộ bà K có bao nhiêu nhân khẩu). Theo Sổ mục kê được cân đối diện tích 945m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở, 200m<sup>2</sup> đất quy hoạch thổ cư, 500m<sup>2</sup> đất vườn (BHK), 45m<sup>2</sup> đất BHK quy hoạch giao thông) tại thửa số 586, tờ bản đồ số 302D tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Hiện nay chưa có thông tin đăng ký biến động đối với thửa đất này. Từ năm 2019 đến nay địa phương chưa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng nào đối với ông Huỳnh T tại vị trí đất này. Tại Công văn số 456/UBND ngày 18 tháng 8 năm 2023: qua kiểm tra Sổ lưu số chứng thực và tập lưu hồ sơ văn bản chứng thực, không có văn bản di chúc lập ngày 29 tháng 7 năm 2013 trong hồ sơ lưu tại UBND xã H

### 3.4. Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

UBND huyện P cung cấp thông tin tại Công văn số 230/UBND ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Công văn số 1132/UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023: hồ sơ địa chính tại Sổ mục kê đất đai, Bản đồ đo đạc năm 1993, Bản đồ đo đạc năm 2019, thửa đất số 260, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ cũ 302-D) diện tích 260m<sup>2</sup> và thửa đất số 1265, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ cũ 302-D) diện tích 499,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên do bà Lê Thị Kim K đứng tên kê khai.

### 3.5. Ông Đoàn Sĩ H3 có ý kiến:

Ông ký với tư cách là người đại diện của UBND xã H chứng thực chữ ký của bà Lê Thị Kim K trong bản di chúc lập ngày 29 tháng 7 năm 2013 được thực hiện theo Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2012 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định 79/2007/NĐ-CP. Việc chứng thực được thực hiện theo quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, vì vậy nội dung “Bà Lê Thị Kim K ngày 29/7/2013 có đến UBND xã, chữ ký trên là đúng” đó là bút phê của công chức Tư pháp xã T, không phải bút tích của ông H3.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 37; Điều 147; Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 79; Điều 167; Điều 169; Điều 186; Điều 188 Luật Đất đai 2013. Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy di chúc lập ngày 29 tháng 7 năm 2013. Chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh L1, cụ Lê Thị Kim K gồm nhà 01 ngôi nhà diện tích 58,3m<sup>2</sup> tọa lạc trên diện tích đất 957,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 1614, loại đất ONT+BHK (trong đó có 146,4m<sup>2</sup> đất QHGT) theo Mảnh mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 46-2021 ngày 11/6/2021 do Văn phòng Đ2 thực hiện (gồm 250m<sup>2</sup> đất ở, 707,6m<sup>2</sup> đất HNK), tổng giá trị di sản là 3.681.343.800đ (thửa gốc theo hồ sơ địa chính tại Sổ mục kê đất đai, Bản đồ đo đạc năm 1993, Bản đồ đo đạc năm 2019 là thửa đất 260, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ cũ 302-D) diện tích 260m<sup>2</sup> và thửa đất số 1265, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ cũ 302-D) diện tích 499,9m<sup>2</sup>) tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên theo pháp luật cho những người thừa kế gồm các ông bà Huỳnh C, Huỳnh T, Huỳnh H, Huỳnh Văn Đ1, Huỳnh Đ, Huỳnh Â, Huỳnh T4, Huỳnh Thị L, Huỳnh Thị H1 (trong đó kỹ phần của các ông Huỳnh C, Huỳnh H, Huỳnh Văn Đ1, Huỳnh Đ, Huỳnh Â, Huỳnh T4 đều thống nhất tặng cho bà Huỳnh Thị L và bà Huỳnh Thị H1 thành hai phần bằng nhau). Cụ thể:

1.1. Ông Huỳnh T được chia nhận hiện vật phần đất ký hiệu C diện tích 289,2m<sup>2</sup> gồm 108,2m<sup>2</sup> đất ở, 181m<sup>2</sup> đất HNK (trong đó có 24,9m<sup>2</sup> QHGT), trên đất có căn nhà diện tích b2=108,2m<sup>2</sup>, nhà wc diện tích 10m<sup>2</sup> là tài sản của ông T. Đồng thời, ông Huỳnh T phải thanh toán lại cho các bà Huỳnh Thị L số tiền 529.830.211đ (Năm trăm hai mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn hai trăm mười một đồng), bà Huỳnh Thị H1 số tiền 529.830.211đ (Năm trăm hai mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn hai trăm mười một đồng).

1.2. Bà Huỳnh Thị L được chia nhận hiện vật căn nhà của cha mẹ diện tích 58,3m<sup>2</sup>, phần đất ký hiệu D diện tích 102,9m<sup>2</sup> gồm 70,1m<sup>2</sup> đất ở, 32,8m<sup>2</sup> đất HNK (trong đó có 32,8m<sup>2</sup> QHGT) và phần đất ký hiệu B diện tích 293,1m<sup>2</sup> đất HNK (trong đó có 39,2m<sup>2</sup> QHGT). Trên đất có 01 chái tôn diện tích

84,1m<sup>2</sup>, chái tôn diện tích 6,4m<sup>2</sup>, 01 giếng nước, sân xi măng diện tích 166,2m<sup>2</sup> bà L được sở hữu không thanh toán giá trị lại cho ông T, không phải thanh toán kỹ phần chênh lệch cho những người thừa kế khác gồm: các ông Huỳnh C, Huỳnh H, Huỳnh Văn Đ1, Huỳnh Đ, Huỳnh Â, Huỳnh T4, đồng thời được nhận số tiền 529.830.211đ (*Năm trăm hai mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn hai trăm mười một đồng*) do ông Huỳnh T thanh toán lại.

1.3. Bà Huỳnh Thị H1 được chia nhận hiện vật phần đất ký hiệu A diện tích 272,4m<sup>2</sup> gồm 71,7m<sup>2</sup> đất ở, 200,7m<sup>2</sup> đất HNK (trong đó có 48,7m<sup>2</sup> QHGT). Trên đất có tài sản của ông Huỳnh Quốc H2 là căn nhà diện tích 62,4m<sup>2</sup>, sân xi măng diện tích 23,5m<sup>2</sup> giao cho bà H1 được sở hữu nên bà H1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Huỳnh Quốc H2 số tiền 166.210.800đ (*Một trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn tám trăm đồng*), không phải thanh toán kỹ phần chênh lệch cho những người thừa kế khác gồm: các ông Huỳnh C, Huỳnh H, Huỳnh Văn Đ1, Huỳnh Đ, Huỳnh Â, Huỳnh T4, đồng thời được nhận số tiền 529.830.211đ (*Năm trăm hai mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn hai trăm mười một đồng*) do ông Huỳnh T thanh toán lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:*

Các ngày 12, 13, 16 tháng 10 năm 2023 ông Huỳnh T, ông Huỳnh C, ông Huỳnh H, ông Huỳnh Â, ông Huỳnh T4, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Quốc H2 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Ngô Minh T1 trình bày không rút Đơn khởi kiện, Đơn kháng cáo. Ông Lê Hồng D, ông Huỳnh H, ông Huỳnh T4 trình bày không rút Đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ông Ngô Minh T1 trình bày: Bản di chúc của bà Lê Thị Kim K lập ngày 29 tháng 7 năm 2013 có chứng thực của UBND xã H là hợp pháp. Hơn nữa, UBND xã cung cấp di chúc bản chính có nội dung như di chúc bản chính mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận di chúc hợp pháp và có giá trị pháp lý. Việc chứng thực di chúc đã được ông Đoàn Sĩ H3 - Phó Chủ tịch UBND xã H và ông Trương Minh Nghĩa I Công chức tư pháp thuộc UBND xã H trình bày thừa nhận cụ K trực tiếp ký vào bản di chúc với tình trạng tinh thần minh mẫn, nói năng bình

thường. Kết luận giám định số: 24/C09C-DD2 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng với nội dung “*Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Lê Thị Kim K dưới mục “Người lập di chúc”... là có phải do cùng một người ký ra hay không*”, chứ không phải là kết luận “*Không do C1 K ký ra*”. Bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện nội dung trình bày của Bác sĩ Tôn Thất C2 cho rằng “*Cuối năm 2012, bà Lê Thị Kim K bị đột quỵ vì xuất huyết não ở Mỹ*”. Chúng tôi hoàn toàn không chấp nhận, vì: không có tài liệu hay Giấy chứng nhận rằng ông Tôn Thất C2 là Bác sĩ đang hành nghề tại Mỹ, không có bệnh án của bà K điều trị tại Mỹ thời gian này, nên lời trình bày của ông Tôn Thất C2 không có giá trị pháp lý. Ngoài ra, ông Tôn Thất C2 còn xác định “*Tôi đã không biết được những diễn biến về y tế-sau ngày bà ấy về Việt Nam*”. Nhân chứng Văn Thị V có Giấy xác nhận ngày 21 tháng 11 năm 2023 có chứng thực của UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cho rằng: khoảng thời gian cụ K về Việt Nam vẫn còn minh mẫn, sáng suốt. Ông Huỳnh N2 (con của ông Huỳnh L2, là anh họ của ông Huỳnh L1) cho rằng: cụ K sau khi thăm cháu ở nước ngoài về tinh thần vẫn còn sáng suốt và minh mẫn. Do đó, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh T, ông Huỳnh Quốc H2; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Sửa bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận di chúc là hợp pháp và chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật, giao hiện vật nhà và đất cho ông Huỳnh Thượng sở h, quản lý, sử dụng và giao cho ông Huỳnh Quốc H2 phần đất có nhà ông H2 xây dựng. .

- Ông Lê Hồng D tranh luận: Bản di chúc hình thức không hợp lệ, không có cơ sở để xem xét. Sức khỏe bà K cao tuổi, không còn minh mẫn, di chúc không có ai làm chứng để chứng thực. Đề nghị đánh giá chứng cứ mới là di chúc bản chính (được Hội đồng xét xử phúc thẩm cho xem tại phiên tòa) do UBND xã cung cấp trong giai đoạn phúc thẩm này thật kỹ, cần phải đánh giá giám định chữ ký lại mới khách quan, công bằng. Do đó, tôi đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với nội dung: căn nhà ký hiệu b2 hai tầng, mái ngói trên diện tích đất 957,6m<sup>2</sup> trích đo từ các thửa 260,1265 tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên là di sản thừa kế và chia cho 09 người theo pháp luật; không chấp nhận thói trả cho ông H2 giá trị ngôi nhà, vì ông H2 xây dựng nhà trái phép cần phải tháo dỡ. Xem xét hành vi của ông T về việc tạo dựng di chúc giả. Ông Huỳnh H, ông Huỳnh T4 thống nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án, đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố



tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Huỳnh T, ông Huỳnh C, ông Huỳnh H, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Quốc H2 là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Công văn số 397/UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của UBND xã H về việc cung cấp tài liệu gửi cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kèm theo 01 Bản di chúc của bà Lê Thị Kim K (bản chính), có xác nhận của UBND xã H được lưu trữ tại UBND (trước đây không tìm thấy). Đối chiếu với Bản di chúc có tại hồ sơ vụ án là giống nhau. Điều đó xác định cụ K có đến tại UBND xã H để lập, ký di chúc. Lời khai của người xác nhận vào di chúc là cán bộ Tư pháp và Phó Chủ tịch cho rằng cụ K còn minh mẫn và đã ký vào bản di chúc nên UBND mới xác nhận. Ngoài ra, Giấy xác nhận của ông Huỳnh N2 (người trong họ tộc) và bà Văn Thị V (người chăm sóc cho cụ K) đều có xác nhận: cụ khánh đi lại khó khăn, nhưng tinh thần vẫn minh mẫn. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng cụ K không còn minh mẫn, mất trí nhớ, có xác nhận của Bác sỹ điều trị cho cụ K khi ở Mỹ. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không có Bệnh án, không có Kết luận giám định về sức khỏe của cụ K nên không có cơ sở xác định cụ K không còn minh mẫn, mất trí nhớ như lời trình bày của các đương sự. Mặt khác, Kết luận giám định cũng chỉ xác định “*Không đủ cơ sở kết luận chữ ký của cụ K*”, chứ không kết luận là “*Không phải chữ ký của cụ K*”. Khoản 2 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc UBND xã, phường, thị trấn: “*Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng...*”. Tuy nhiên, cụ K vẫn ký được vào bản di chúc. Ngoài ra, trên thửa đất là di sản có ngôi nhà của nguyên đơn xây dựng từ năm 1998 và hiện nay vẫn do nguyên đơn và gia đình quản lý sử dụng. Khi xây dựng nhà cụ K và các anh chị em trong gia đình biết nhưng không phản đối, điều đó thể hiện từ khi còn sống cụ K đã đồng ý cho ông Huỳnh T xây dựng nhà trên thửa đất này. Ông Huỳnh T chăm sóc cụ K đến khi cụ K chết năm 2017. Nội dung di chúc cụ K định đoạt toàn bộ di sản là tài sản chung của vợ chồng cụ K và cụ L1 là vượt quá quyền định đoạt, nên di chúc của cụ K có hiệu lực 1/2 tài sản trong khối tài sản chung. Bản án sơ thẩm quyết định hủy toàn bộ di chúc ngày ngày 29 tháng 7 năm 2013 của cụ K là không đúng. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Thượng . Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS 2015; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc của cụ K hợp pháp đối với 1/2 di sản của cụ K trong khối di sản chung với cụ L1; ông Huỳnh T được nhận toàn bộ tài sản của cụ K; chia 1/2 di sản thừa kế của cụ L1 theo pháp luật cho các đồng thừa kế.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Các ngày 12, 13, 16 tháng 10 năm 2023 ông Huỳnh T, ông Huỳnh C, ông Huỳnh H, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Quốc H2 kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Như vậy, kháng cáo của các ông bà nêu trên là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Huỳnh T, ông Huỳnh C, ông Huỳnh H, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Quốc H2:

[2.1] Nội dung các đương sự thống nhất được với nhau:

Cụ Huỳnh L1 (chết năm 1997) và cụ Lê Thị Kim K (chết năm 2017) có 08 người con chung là: Huỳnh Thị L, Huỳnh Thị H1, Huỳnh H, Huỳnh T, Huỳnh Á, Huỳnh T4, Huỳnh Văn Đ1, Huỳnh Đ; ngoài ra, cụ Huỳnh L1 có 01 con riêng là Huỳnh C.

Cụ Huỳnh L1, cụ Lê Thị Kim K có tạo lập được 01 ngôi nhà trên diện tích đất theo hồ sơ địa chính tại Sổ mục kê đất đai, Bản đồ đo đạc năm 1993, Bản đồ đo đạc năm 2019 là thửa đất số 260, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ cũ 302-D) diện tích 260m<sup>2</sup> và thửa đất số 1265, tờ bản đồ, số 12 (tờ bản đồ cũ 302-D) diện tích 499,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên do cụ Lê Thị Kim K đứng tên kê khai. Theo mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 46-2021 ngày 11 tháng 6 năm 2021 do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện thể hiện là thửa 1614, diện tích 957,6m<sup>2</sup> loại đất ONT+BHK (trong đó có 146,4m<sup>2</sup> đất QHGT) là di sản thừa kế của cụ Huỳnh L1, cụ Lê Thị Kim K để lại chưa chia.

Xét thấy, nội dung này các đương sự không kháng cáo, không bị kháng nghị, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[2.2] Xem xét Bản di chúc ghi ngày 29 tháng 7 năm 2013:

[2.2.1] Người lập di chúc - Lê Thị Kim K; xác nhận vào di chúc là UBND xã H - Phó Chủ tịch Đoàn Sĩ H3. **Nội dung di chúc:** "... gia sản chỉ còn lại một căn nhà lầu một tầng mái ngói, tường xây, diện tích khoảng 70m<sup>2</sup> đang tọa lạc trên thửa đất khoảng 1.000m<sup>2</sup>. Đông giáp nhà ông Võ Tấn T6, Nam giáp xã L, Tây giáp bà Lâm Thị N3, B giáp nhà ông Đào Đức N4. Hiện tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Trước đây tôi có bàn bạc với chồng tôi khi còn sống và cùng quyết định lập di chúc để lại số tài sản trên cho con trai giữa tên là Huỳnh T, sinh năm 1954, có số CMND 220174402 cấp ngày 20

tháng 01 năm 2006 do Công an P1 cấp. Hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Số di sản trên, con Huỳnh Thượng được thừa hưởng phải có bốn phần cúng quải trong ngày giỗ đối với gia tộc. Phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với pháp luật của Nhà nước hiện hành...”. **Nội dung xác nhận:** “Bà Lê Thị Kim K, sinh 1920 có HKTT: thôn P, H, P, tỉnh Phú Yên. Ngày 29/7/2013 có đến UBND xã H. Chữ ký trên là đúng”.

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự có yêu cầu giám định chữ ký của cụ Lê Thị Kim K tại Bản di chúc ghi ngày 29 tháng 7 năm 2013. Ngày 30 tháng 3 năm 2021 Phân Viện khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng - V1 có Kết luận giám định với nội dung: “... Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Lê Thị Kim K dưới mục “Người lập di chúc” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ ký đứng tên Lê Thị Kim K trên các tài liệu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là có phải do cùng một người ký ra hay không”. Như vậy, Kết luận giám định cũng chỉ xác định “Không đủ cơ sở kết luận chữ ký của cụ K”, chứ không kết luận “Không phải chữ ký của cụ K”.

Tại Công văn số 397/UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của UBND xã H về việc cung cấp tài liệu gửi cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có nội dung: “... Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ lưu trữ tại UBND xã H còn lưu 01 bản di lập ngày 29 tháng 7 năm 2013 của bà Lê Thị Kim K (*bản chính*); UBND xã gửi kèm để Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét, giải quyết. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tiến hành cho các đương sự được xem bản di chúc do UBND xã H cung cấp có nội dung di chúc, nội dung xác nhận giống bản di chúc có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, hồ sơ vụ án có hai bản di chúc lập ngày 29 tháng 7 năm 2013 của bà Lê Thị Kim K (*bản chính*) có nội dung giống nhau.

Hơn nữa, lời khai của người xác nhận vào di chúc là cán bộ Tư pháp và Phó Chủ tịch vẫn khẳng định và cho rằng: “Cụ K còn minh mẫn và đã ký vào bản di chúc nên UBND mới xác nhận”. Đồng thời, sau khi xét xử sơ thẩm ông Huỳnh N2 (người trong họ tộc) ký Giấy xác nhận của ngày 27 tháng 11 năm 2023 (có xác nhận của chính quyền địa phương) khẳng định cho rằng: “Cụ Lê Thị Kim K sau khi đi thăm con cháu ở nước ngoài về, cụ vẫn còn sáng suốt và minh mẫn đến khi mất”; bà Văn Thị V (người chăm sóc cho cụ K) ký Giấy xác nhận của ngày 21 tháng 11 năm 2023 (có xác nhận của chính quyền địa phương) cho rằng: “Tôi có ở nhà bà Lê Thị Kim K vào khoảng thời gian đầu năm 2017 cho đến khi bà K chết, còn trước đó năm 2012 tôi không ở nhà bà K. Tôi làm nhiệm vụ ở để dọn dẹp nhà cửa, tôi nhận thấy tình trạng sức khoẻ của bà K là già yếu, đi lại khó khăn, còn về tinh thần của bà vẫn còn minh mẫn, nói năng bình thường”. Ngoài ra, tại Biên bản hoà giải ngày 09 tháng 4 năm 2019 do UBND xã H lập về tranh chấp di sản thừa kế giữa Huỳnh Thị L, Huỳnh Thị H1, Huỳnh C, Huỳnh Đ1 với Huỳnh T do ông Đoàn Sĩ H3 - Chủ

tịch chủ trì đã cung cấp thông tin thể hiện “bà Lê Thị Kim K có để lại di chúc thừa kế di sản cho ông Huỳnh T”.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận của Bác sĩ Tôn Thất C2 với nội dung: “ Tôi là Bác sĩ Tôn Thất C2, hiện hành nghề Bác sĩ Gia đình tại địa chỉ G N, S; Takoma Park, MD 20912; USA, xác nhận rằng bà Lê Thị K1nh đã khám bệnh tại văn phòng tôi từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 09 tháng 7 năm 2012. Bà K có nhiều bệnh chính như là cao huyết áp, rung tâm nhĩ, ung bướu cổ tử cung... Vào tháng 7 năm 2012 bà bị đột quỵ vì tai nạn xuất huyết não cùng với bại liệt và mất trí nhớ, đã được nhập viện điều trị và sau đó chuyển sang viện phục hồi chức năng và dưỡng lão... Tôi đã không biết được những diễn biến về y-tế sau ngày bà ấy về Việt Nam...”. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông Tôn Thất C2 là Bác sĩ đang hành nghề tại Mỹ, cũng như bệnh án mà ông Tôn Thất C2 điều trị cho bà Lê Thị Kim K như ông C2 xác nhận ở trên.

Với những nội dung đã được phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: Bản di chúc ngày 29 tháng 7 năm 2013 của bà Lê Thị Kim K lập có xác nhận của chính quyền địa phương là hợp pháp.

[2.2.2] Bản di chúc ngày 29 tháng 7 năm 2013 của cụ Lê Thị Kim K lập có xác nhận của chính quyền địa phương là hợp pháp. Tuy nhiên, nội dung di chúc của cụ K định đoạt luôn phần di sản của cụ Huỳnh L1 để lại chưa chia, nên di chúc chỉ có hiệu lực đối với phần của cụ K và được chia theo di chúc; phần di sản của cụ L1 được chia theo pháp luật cho những người thừa kế.

[2.3] Di sản gồm:

Ngôi nhà diện tích  $58,3m^2 \times 5.710.000đ/m^2 \times 60\%$  trị giá = 199.735.800đ;

Diện tích  $250m^2$  đất ở  $\times 13.700.000đ/m^2 = 3.425.000.000đ$  và diện tích đất  $707,6m^2 \times 80.000đ/m^2 = 56.608.000đ$ .

Tổng giá trị di sản là 3.681.343.800đ. Cụ Huỳnh L1 là  $\frac{1}{2} = 1.840.671.900đ$ ; cụ K là  $\frac{1}{2} = 1.840.671.900đ$ .

[2.4] Bản di chúc ngày 29 tháng 7 năm 2013 của cụ Lê Thị Kim K là hợp pháp, nên ông Huỳnh T được hưởng 1.840.671.900đ.

Di sản của cụ Huỳnh L1 là 1.840.671.900đ được chia cho 10 kỹ phần (gồm: 01 người con riêng của cụ L1, 08 người con chung và cụ K) = 184.067.190đ/01 kỹ phần.

Di sản của cụ K được hưởng từ cụ L1 là 184.067.190đ được chia theo pháp luật cho 8 kỹ phần (08 người con chung) = 23.008.398đ/01 kỹ phần.

**Như vậy:**

Ông Huỳnh T được hưởng là  $1.840.671.900đ + 184.067.190đ + 23.008.398đ = 2.047.747.488đ$ ;

Ông Huỳnh C được hưởng là 184.067.190đ;

Ông Huỳnh H, ông Huỳnh Văn Đ1, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 mỗi người được hưởng là  $184.067.190đ + 23.008.398đ = 207.075.588đ$ . Các ông Huỳnh C, ông Huỳnh H, ông Huỳnh Văn Đ1, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4 thống nhất ký phần của các ông giao cho bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 được hưởng bằng nhau. Như vậy, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 mỗi người được hưởng 816.798.153đ.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên tiến hành đo vẽ hiện trạng diện tích đất và tài sản trên đất thể hiện:

[2.5.1] Phần đất ký hiệu A:

Diện tích  $272,4m^2$ , gồm  $71,7m^2$  đất ở  $\times 13.700.000đ/m^2 = 982.290.000đ$  và  $200,7m^2$  đất HNK (trong đó có  $48,7m^2$  QHGT)  $\times 80.000đ/m^2 = 16.056.000đ$ . Tổng cộng là 998.346.000đ.

Trên diện tích đất có căn nhà do Huỳnh Quốc H2 (là con tra ông Huỳnh T xây dựng) diện tích  $62,4m^2$  trị giá là 164.236.800đ; sân xi măng diện tích  $23,5m^2 \times 168.000đ/m^2 \times 50\% = 1.974.000đ$ . Tổng cộng là 166.210.800đ.

[2.5.2] Phần đất ký hiệu B:

Diện tích  $293,1m^2$  đất HNK (trong đó có  $39,2m^2$  QHGT)  $\times 80.000đ/m^2 = 23.448.000đ$ ; trên đất có 01 chái tôn diện tích  $84,1m^2$ , chái tôn diện tích  $6,4m^2$ , 01 giếng nước, sân xi măng diện tích  $166,2m^2$  đều là tài sản của ông T nhưng ông T không yêu cầu xem xét giải quyết.

[2.5.3] Phần đất ký hiệu C:

Diện tích  $289,2m^2$ , gồm  $108,2m^2$  đất ở  $\times 13.700.000đ/m^2 = 1.482.340.000đ$  và  $181m^2$  đất HNK (trong đó có  $24,9m^2$  QHGT)  $\times 80.000đ/m^2 = 14.480.000đ$ . Tổng cộng là 1.496.820.000đ; trên đất có căn nhà diện tích  $b2=108,2m^2$ , nhà wc diện tích  $10m^2$  là tài sản của ông T.

[2.5.4] Phần đất ký hiệu D:

Diện tích  $102,9m^2$ , gồm  $70,1m^2$  đất ở  $\times 13.700.000đ/m^2 = 960.370.000đ$  và  $32,8m^2$  đất HNK (trong đó có  $32,8m^2$  QHGT)  $\times 80.000đ/m^2 = 2.624.000đ$ . Trên đất có căn nhà diện tích  $58,3m^2$  có giá trị 199.735.800đ. Tổng cộng là 1.162.729.800đ.

[2.6] Yêu cầu nhận hiện vật: ông Huỳnh T, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 có quốc tịch Việt Nam; bản thân ông Huỳnh T và con là Huỳnh Quốc H2 có xây dựng công trình, trồng một số cây trên đất; bà H1, bà L đang sinh sống tại Việt Nam và có nhu cầu sử dụng đất. Các ông Huỳnh C, Huỳnh H, ông Huỳnh Văn Đ1, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4 đang định cư ở nước ngoài không có nhu cầu sử dụng đất và đồng ý nhường ký phần thừa kế được hưởng cho bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 mỗi người có giá trị bằng nhau. Do đó, cần giao hiện vật cho ông Huỳnh T, bà Huỳnh Thị L, bà

Huỳnh Thị H1 quản lý sơ hữu là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 không phải bồi trả giá trị di sản cho ông Huỳnh C, Huỳnh H, ông Huỳnh Văn Đ1, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4.

Ông Huỳnh T có xây dựng một số công trình trên diện tích đất (ký hiệu C), nên giao cho ông Huỳnh T hiện vật ký hiệu C và B có giá trị là  $1.496.820.000đ + 23.448.000đ = 1.520.268.000đ$ . Ông Huỳnh T được hưởng giá trị di sản là 2.047.747.4880đ. Do đó, ông Huỳnh T được nhận giá trị di sản phần chênh lệch thiếu do bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 bồi trả là  $2.047.747.4880đ - 1.520.268.000đ = 527.479.488đ$ .

Giao cho bà Huỳnh Thị H1 hiện vật ký hiệu A có giá trị là 998.346.280đ. Bà Huỳnh Thị H1 được hưởng giá trị di sản là 207.075.588đ. Ngoài ra, trên phần đất ký hiệu A còn có căn nhà do Huỳnh Quốc H2 (là con tra ông Huỳnh T) xây dựng có giá trị là 166.210.800đ. Do giao cho bà H1 hiện vật ký hiệu A, nên bà H1 có có nghĩa vụ bồi trả cho ông Huỳnh Quốc H2 166.210.800đ.

Giao cho bà Huỳnh Thị L hiện vật ký hiệu D có giá trị là 1.162.729.800đ. Bà Huỳnh Thị L được hưởng giá trị di sản là 207.075.588đ.

Do đó, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ bồi trả giá trị cho ông Huỳnh T số tiền 527.479.488đ, chia phần mỗi người  $\frac{1}{2}$  là 263.739.744đ.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của đương sự và những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: kháng cáo của ông Huỳnh T, ông Huỳnh Quốc H2 là có căn cứ chấp nhận; kháng cáo của ông Huỳnh C, ông Huỳnh H, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 là không có căn cứ chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: do sửa bản án sơ thẩm, nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại cho phù hợp, cụ thể:

Ông Huỳnh T được nhận là 2.047.747.488đ, nên phải chịu là  $72.000.000đ + (2\% \times 47.747.488đ) = 72.955.000đ$ .

Bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 mỗi người được nhận là 816.798.153đ, nên mỗi người phải chịu là  $36.000.000đ + (3\% \times 16.798.153đ) = 36.504.000đ$ . Ngoài ra, bà H1 còn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông H2 là  $166.210.800đ \times 5\% = 8.310.000đ$ .

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh T, ông Huỳnh Quốc H2 không phải chịu; ông Huỳnh C, ông Huỳnh H, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4, ông

Huỳnh Đ, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh T, ông Huỳnh Quốc H2; không chấp kháng cáo của ông Huỳnh C, ông Huỳnh H, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 37; Điều 147; Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 79; Điều 167; Điều 169; Điều 186; Điều 188 Luật Đất đai 2013. Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 624; Điều 625; Điều 626; Điều 627; Điều 628; Điều 630; Điều 631; Điều 635; Điều 643; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 680 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Công nhận Bản chúc lập ngày 29 tháng 7 năm 2013 của cụ Lê Thị Kim K lập có xác nhận của chính quyền địa phương là hợp pháp và có giá trị đối với di sản thừa kế của cụ Lê Thị Kim K để lại.

2.2. Di sản thừa kế của cụ Huỳnh L1, cụ Lê Thị Kim K gồm: 01 ngôi nhà diện tích 58,3m<sup>2</sup> tọa lạc trên diện tích đất 957,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 1614, loại đất ONT+BHK (trong đó có 146,4m<sup>2</sup> đất QHGT) theo Mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 46-2021 ngày 11 tháng 6 năm 2021 do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện (gồm 250m<sup>2</sup> đất ở, 707,6m<sup>2</sup> đất HNK), tổng giá trị di sản là 3.681.343.800đ (thửa gốc theo hồ sơ địa chính tại Sổ mục kê đất đai, Bản đồ đo đạc năm 1993, Bản đồ đo đạc năm 2019 là thửa đất 260, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ cũ 302-D) diện tích 260m<sup>2</sup> và thửa đất số 1265, tờ bản đồ số 12 (tờ bản đồ cũ 302-D) diện tích 499,9m<sup>2</sup>) tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên được chia thừa kế như sau:

2.2.1. Chia thừa kế theo di chúc  $\frac{1}{2}$  giá trị di sản của cụ Lê Thị Kim K là  $(3.681.343.800đ : 2) = 1.840.671.900đ$  cho ông Huỳnh T được hưởng.

2.2.2. Chia thừa kế theo pháp luật  $\frac{1}{2}$  giá trị di sản của cụ Huỳnh L1 là  $(3.681.343.800đ : 2) = 1.840.671.900đ$  cho những người thừa kế gồm: cụ Lê Thị Kim K, ông Huỳnh T, ông Huỳnh C, Huỳnh H, ông Huỳnh Văn Đ1, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Á, ông Huỳnh T4, Huỳnh Thị L, Huỳnh Thị H1, mỗi kỹ phần có giá trị 184.067.190đ.

2.2.3. Chia thừa kế theo pháp luật kỹ phần cụ Lê Thị Kim K được hưởng của cụ Huỳnh L1 là 184.067.190đ cho ông Huỳnh T, Huỳnh H, ông Huỳnh Văn Đ1, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Â, ông Huỳnh T4, Huỳnh Thị L, Huỳnh Thị H1, mỗi kỹ phần có giá trị 23.008.398đ.

### 2.3. Giao hiện vật:

2.3.1. Giao cho ông Huỳnh T quản lý sở hữu hiện vật ký hiệu C diện tích 289,2m<sup>2</sup>, gồm 108,2m<sup>2</sup> đất ở và 181m<sup>2</sup> đất HNK (trong đó có 24,9m<sup>2</sup> QHGT), trên đất có căn nhà diện tích b2=108,2m<sup>2</sup>, nhà wc diện tích 10m<sup>2</sup> và hiện vật ký hiệu B diện tích 293,1m<sup>2</sup> đất HNK (trong đó có 39,2m<sup>2</sup> QHGT), trên đất có 01 chái tôn diện tích 84,1m<sup>2</sup>, chái tôn diện tích 6,4m<sup>2</sup>, 01 giếng nước, sân xi măng diện tích 166,2m<sup>2</sup>.

2.3.2. Giao cho bà Huỳnh Thị H1 quản lý sở hữu hiện vật ký hiệu A diện tích 272,4m<sup>2</sup>, gồm 71,7m<sup>2</sup> đất ở, 200,7m<sup>2</sup> đất HNK (trong đó có 48,7m<sup>2</sup> QHGT) và căn nhà diện tích 62,4m<sup>2</sup>, sân xi măng diện tích 23,5m<sup>2</sup>(tài sản của ông Huỳnh Quốc H2).

2.3.3. Giao cho bà Huỳnh Thị L quản lý sở hữu hiện vật ký hiệu D diện tích 102,9m<sup>2</sup>, gồm 70,1m<sup>2</sup> đất ở, 32,8m<sup>2</sup> đất HNK (trong đó có 32,8m<sup>2</sup> QHGT), trên đất có căn nhà diện tích 58,3m<sup>2</sup>.

Ông Huỳnh T, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị L có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký sở hữu đối với tài sản được nhận theo quy định của pháp luật.

### 2.4. Nghĩa vụ bồi trả bằng giá trị:

Bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ bồi trả cho ông Huỳnh T số tiền 527.479.488đ, chia phần mỗi người 1/2 là 263.739.744đ.

Bà Huỳnh Thị H1 có nghĩa vụ bồi trả cho ông Huỳnh Quốc H2 số tiền 166.210.800đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có Đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

### 3. Án phí:

#### 3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh T phải chịu là 72.955.000đ, được khấu trừ số tiền 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013069 ngày 19 tháng 5 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên, nên ông Huỳnh T còn phải nộp tiếp 72.655.000đ

Bà Huỳnh Thị L phải chịu 36.504.000đ.

Bà Huỳnh Thị H1 phải chịu 36.504.000đ + 8.310.000đ = 44.814.000đ.

#### 3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:



Ông Huỳnh T, ông Huỳnh Quốc H2 không phải chịu. Hoàn trả cho ông Huỳnh T, ông Huỳnh Quốc H2 mỗi người 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003993, số 0003994 cùng ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Ông Huỳnh C, ông Huỳnh H, ông Huỳnh Â, ông Huỳnh T4, ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị H1 mỗi người phải chịu 300.000đ. Được khấu trừ số tiền các ông bà đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000375, 0000376, 0000377, 0000378, 0000379, 0000380, 0000381, 0000382 cùng ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

(Đã ký)

**Trương Minh Tuấn    Trần Đức Kiên**

**Trần Quốc Cường**